TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2021/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Lam - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 02/2021/QĐ-TA ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Đương sự thứ nhất: **Chị Lê Thị L**, sinh ngày: 20/10/1992, hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt;

Đương sự thứ hai: **Anh** Nguyễn D, sinh ngày: 06/6/1990, hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan, đề nghị giải quyết vắng mặt;

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Lê Thị L, ý kiến thống nhất toàn bộ yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn D, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

Ngày 03/4/2018, chị Lê Thị L, sinh ngày: 20 tháng 10 năm 1992 có hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh kết hôn với anh Nguyễn D, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1990, hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh theo số đăng ký số 38/2018. Sau khi đăng ký kết hôn, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương và về chung sống cùng gia đình chồng tại xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sống chung được khoảng 01 tháng thì anh Nguyễn D đi lao động tại Đài Loan. Từ đó, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng nhất, không tin tưởng nhau dẫn đến không còn sự quan tâm, động viên, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống riêng của bản thân.

Đến nay, hai vợ chồng cùng xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

* Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 28, 37, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Công nhận anh Nguyễn D và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn, các vấn đề khác đương sự không yêu cầu, đã thống nhất nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Lê Thị L và anh Nguyễn D, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng giải quyết việc dân sự nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị L và anh Nguyễn D đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Nguyễn D và chị Lê Thị L theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 22299/QLXNC-P5 ngày 30/11/2020 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện "Anh Nguyễn D, sinh ngày 06/6/1990 đã xuất cảnh 08 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 06/5/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước". Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Lê Thị L và anh Nguyễn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, anh Nguyễn D thông qua hình thức gọi điện thoại đã trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Lê Thị L khởi kiện. Theo đó, anh Nguyễn D đồng ý toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bà Trần Thị Hương, địa chỉ: Xóm N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.Trên tinh thần Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án sẽ tống đạt các tài liệu, văn bản tố tụng cho người được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự hiện đang ở nước ngoài và quyết định chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án Hôn nhân gia đình thành việc Hôn nhân gia đình.

[1.4] Các đương sự đều đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 36/2020/TB-TA ngày 24/11/2020 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn D được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì anh Dũng đi lao động tại Đài Loan. Do không thường xuyên quan tâm, tình cảm cũng vì thế mà phai nhạt. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] *Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).*

[2.1.4] Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn D hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Dũng, chị Liệu như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho chị Lê Thị L và anh Nguyễn D được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai vợ chồng chưa có con chung nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3]Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn D để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 55, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L, sinh ngày: 20/10/1992, hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và anh Nguyễn D, sinh ngày: 06/6/1990, hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan.

2.Về con chung: Hai vợ chồng chưa có con chung nên miễn xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 chấp nhận sự tự nguyện nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí HNGĐST của chị Lê Thị L theo biên lai số 0000080 ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Văn Lam